

BẢN LUẬN QUYỂN 47

Phẩm Bồ-tát Tướng trong trì tùy pháp Du-già Xứ thứ nhất nói; bốn Xứ của địa Bồ-tát, đây là thứ hai.

Trì Du-già Xứ ban đầu, chính là nói về pháp sở học. Xứ này nói về học của người năng học sở học đã thành tướng Bồ-tát. Vì tùy theo pháp Sở học ở trước mà khởi sự tu, nên gọi là Tùy pháp Du-già Xứ.

Địa Bồ-tát đầu tiên nói “Có mười pháp Nhiếp thọ đủ đạo và quả của Bồ-tát Đại thừa:

- 1/ Trì
- 2/ Tướng
- 3/ Phần.
- 4/ Ý lạc tăng thượng.
- 5/ Trụ.
- 6/ Sinh.
- 7/ Nhiếp thọ.
- 8/ Địa tướng.
- 9/ Hạnh.
- 10/ Kiến lập.

I. Trì Du-già đầu tiên, trong đó lược chia làm ba trì:

- 1) Chủng tánh trì, tức là phẩm Chủng tánh
- 2) Phát tâm trì, tức Phẩm Phát Tâm
- 3) Bồ-đề phần pháp trì, Văn trong đó rộng, có mười sáu phẩm, gồm có mười tám phẩm làm Du-già Xứ ban đầu. Du-già thứ hai này có bốn phẩm, tức tăng thượng ý trụ của phần Tướng. Năm pháp sau, là Du-già thứ ba, tức là năm phẩm. Tướng của các phẩm sinh thứ lớp trước, sau là Du-già thứ tư.

II. Tướng, nghĩa là thành tựu pháp này nhập tướng Bồ-tát, nên gọi là tướng.

Phẩm này ở trước phẩm thứ hai, nên nói là Phẩm Tướng đệ nhất.

1) Trong Văn, trước hỏi, sau đáp. Trong phần đáp, bài tụng đầu và văn xuôi chia ra, chương môn.

2) Dựa vào chương để nói rộng.

Trong phần trước, đầu tiên, là nêu tụng, kế là, thuộc về văn xuôi. Ba chữ của một câu đầu trong bài tụng, nêu Bồ-tát chân thật đầy đủ năm tướng.

Kế là, biết nên...” trở xuống, là khuyên biết năm tướng, mỗi tướng đều đủ năm môn.

Nói năm thứ tướng của Bồ-tát chân thật...” trở xuống, là văn xuôi giải thích, nghĩa là năm thứ như thương xót v.v... lấy làm thể tướng.

1) Đầu tiên, là thương xót lấy từ bi làm thể. Chân thật thì dùng trí tuệ làm thể. Tướng giả thì dùng Vô nhuế làm thể. Dựa vào nhiếp thọ dưới, tức là dùng trí Tĩnh lự làm thể, do dựa vào Tĩnh lự, tu Từ bi.

2) Ái ngữ thì lấy bốn ngữ thiện làm thể. Dựa vào nhiếp thọ nhau ở dưới thì dùng Thi-La Bát-nhã làm tánh. Luận sư Cảnh nói “Đối tượng phát Ái ngữ, tức là Thi-la. Tâm, chủ thể phát ngôn ngữ, tức là Bát-nhã, nên lấy hai Độ làm tánh.”

Pháp sư Khuy Cơ nói “Vì từ luật nghi mà thực hành, dùng Bát-nhã để dẫn đường chúng sinh, cho nên, hai nhiếp thọ này nếu y theo phẩm Thí ở trước, thì giới là Nhiếp độ bốn nhiếp của phẩm Nhiếp, bố thí chỉ Nhiếp bố thí, bốn Độ còn lại, thuần là Đồng sự nhiếp. Nếu trừ bố thí, ba Nhiếp sự còn lại, đều thuộc về Độ trí tuệ. Nay, nói rằng Ái ngữ là Thi-la, đây là chính dựa vào giới mà thực hành. Nhưng dựa vào giới không nói đối v.v... là nói về giới kia không là Thể, vì tất cả hạnh đều do trí phát.”

3) Mạnh mẽ, trong đoạn văn dưới đây lấy ba pháp: Nhẫn nhục, tinh tấn, Bát-nhã làm tánh. Pháp sư Khuy Cơ nói “Y cứ sự thật, chỉ là Tinh tấn do Tuệ phát an thọ khổ nhẫn trong thời gian dài, cho nên gồm nói.

4) Dang tay tuệ thí là thuộc về Thí Độ.

5) Khả năng hiểu rất sâu về mật ý của nghĩa lý, tức là bốn Vô ngại.

Văn dưới đây lấy định, tuệ làm tánh. Nếu chỉ Khắc ghi Thể là tuệ, do định phát thì vì Tuệ vượt hơn, nên đều từ sự vượt hơn phát ra đồng thời mà làm và nói nhất định. Năm thứ này đều do dựa vào thực hành sáu Độ. Thành tựu năm thứ này, nhập tướng Bồ-tát.

Trong dựa vào chương để nói, trước, giải thích về năm tướng, năm chuyển. Sau, là kết khuyên, nên biết.

Trong phần trước, y cứ ở năm môn như như tự tánh v.v... mà phân biệt năm tướng, tức là năm đoạn.

Tự tánh của thương xót có hai:

1) Ở ý lạc, tức là lợi lạc.

2) Ý lạc làm tánh.

Theo luận Trang Nghiêm, lấy tư, dục làm tánh, theo Nhiếp luận, dùng dục và hai số thắng giải làm tánh.

Tự tánh của Ái ngữ, là như thuyết trước nói. Ở trước nói “an ủi,

thí dụ, chúc mừng, vui vẻ là tùy theo lời nói của oai nghi phép tắc. Vượt hơn lời nói vô ích là lời nói thuận với giáo chánh pháp, đây là ba Ái ngữ khó thực hành.

Về Ái ngữ của chín môn, nói rộng như phẩm Nhiếp sự ở trước.

Tự tánh mạnh mẽ. Luận sư Cảnh nói “Cương quyết là trí tuệ; vững chắc, là nhẫn. Không có tánh yếu kém, có tinh tấn với thế lực lớn v.v... Pháp sư Khuy Cơ nói “Nay, ý văn chỉ nói riêng về Tinh tấn, tức là dùng ba thứ như mặc áo giáp Tinh tấn v.v... để phối hợp theo thứ lớp: Tánh bố thí vô nhiễm rộng lớn, gọi là đang tay Tuệ thí, cũng như đã nói rộng trong chín môn thí trước.”

Bốn Vô ngại giải và tức là ở trí chánh gia hạnh v.v... đã dẫn phát không trái ngược kia, nghĩa là bốn Vô ngại giải, chính là trí tánh sau hiểu rõ nghĩa sâu sắc, tức là trí phương tiện trước của bốn Vô ngại giải, gọi là trí gia hạnh.

Chỗ nương tựa của sự thương xót. Luận sư Cảnh nói “Nói cảnh là Xứ (chỗ), nghĩa là “duyên” năm thứ có khổ và người làm điều ác v.v... mà vì cho thương xót, nên gọi là Y xứ (chỗ nương tựa). Khả năng hiểu được mật ý của nghĩa lý rất sâu cũng là năm y xứ.

Trong y xứ thứ nhất, Luận sư Cảnh nói “Nói dựa vào khế Kinh, thuận theo rất sâu, nghĩa là đối với lý Chân như, trí nông cạn không so lường được, gọi là rất sâu. Kinh nói “Hai không”, vì thuận theo Chân như, nên nói rằng “Thuận theo rất sâu.”

Rất sâu hiển hiện, nghĩa là do tìm kiếm “Hai không”, nên Chân như thể hiện rõ ràng.

Tánh không tương ứng với duyên tánh, duyên Khởi. Duyên tánh là tánh của bốn duyên, duyên khởi là mười hai duyên khởi.

Thể của duyên tánh duyên khởi như thế, là tánh Biến kế sở chấp cố định, nên nói tương ứng với tánh không. Luận sư Trắc nói “Điều mà đức Như lai nói, thường dựa vào hai Đế, nên gọi là “thuận theo”. Lý của hai Đế vì là ngôn ngữ, dứt ý nghĩ, nên còn nói là “Rất sâu, rất sâu được hiển hiện rõ ràng.”

Nói tánh không, tức là Viên thành thật. Duyên tánh, duyên khởi, tức là Tục đế của y tha.

Trong y xứ thứ tư, Pháp sư Khuy Cơ nói “Các tướng, nghĩa Tướng, nghĩa là danh của chủ thể giải thích (năng thuyết); nghĩa là “sở thuyết” (đối tượng giải thích).

Luận sư Trắc nói “Nói làm sáng tỏ, trừ ý thú v.v... Nghĩa là khả năng làm rõ mật ý, loại trừ tâm nghi ngờ của người.”

Trong y xứ thứ năm nói rằng “Đối với tất cả pháp, nghĩa là giáo pháp ba tạng. “Pháp” là cảnh của Vô ngại của pháp. “Nghĩa” là cảnh Vô ngại của nghĩa, giải thích rõ cảnh Từ Vô ngại của lời, phẩm loại nói về cảnh Vô ngại.

Trong lợi của quả thương xót, đầu tiên, nói về lợi của quả. Kế là, dẫn thuyết để chứng thành. Sau, là kết.

Trong phần trước, 1) nói về lợi mình, dứt trừ oán hại v.v...

2) Khấp lợi người ở phẩm hạ, trong dẫn nói để chứng thành, Luận sư Trắc nói “Như trong kinh nói “Tu từ phước, lợi có mười một thứ: Ngủ yên, thức yên, Trời che chở, Phi nhân yêu mến, không bị thuốc độc, không bị binh đao, nước, lửa không làm mất mạng, ngủ không có chiêm bao xấu, chết sinh lên trời Phạm Thiên, còn sống được lợi ích.”

Xét kinh Hoa Nghiêm lại luận giải thoát đạo, nói về tu Từ có mười một công đức:

- 1) Ngủ yên, không sợ hãi
- 2) Thức yên, không có tướng xấu
- 3) Không có mộng xấu
- 4) Được người thương yêu, nhớ nghĩ
- 5) Được phi nhân yêu mến
- 6) Được Chư thiên che chở.
- 7) Lửa, chất độc, đao, binh không hại được thân mình.
- 8) Tâm mau được định
- 9) Sắc mặt tươi sáng,
- 10) Lúc qua đời, tâm không loạn
- 11) Chưa được pháp vượt hơn, sinh lên cõi trời Phạm Thiên.

III. Phẩm Phần:

Tiếng Phạm là Bạc-nhẫn, Hán dịch gồm ba nghĩa:

- 1) Nghĩa phần vị.
- 2) Nghĩa phần loại sai khác.
- 3) Nghĩa giúp đỡ. Cựu luận gọi là phẩm Dực, nghĩa là thực hành bốn pháp, có thể mau chóng được quả, cũng như con chim nhờ vào đôi cánh nên bay đến chỗ nhanh. Nay, thì xuất phát từ hai phần vị tại gia, và xuất gia kia, Bồ-tát nêu tên là phẩm Phần.

Đối tượng nương tựa của năm tướng không ngoài hai phần vị tại gia, xuất gia, nên sau phẩm Tướng, kế là, nói về phẩm Phần.

Trong văn:

- 1) đầu tiên, là chia ra, nêu về môn chương.
- 2) Dựa vào thứ lớp bốn chương, giải thích.

3) Phân biệt chung, trong giải thích phương tiện thiện xảo nói rằng “Như trước, tức là trong Địa Bồ-tát này v.v... 4/ nghĩa là bốn thứ trước, như đã nói trong mười hai phương tiện. 5/ Như trong Nhân minh xứ. 6/ Như giới. 7/ Như trong năm nguyện. Về ba thứ sau, chỗ văn chẳng phải một: gần thì như trong phẩm Bồ-đề phần đã nói.

Tùy theo chủng tánh căn v.v... của người kia. Ngài Tam Tạng nói “Danh tánh của hạt giống hiện hành, gọi là căn.” Trong giải thích về lợi ích nói “Có thể đem lại lợi ích cho một phần hữu tình, cho đến một phần yên vui, một phần đều có. Pháp sư Khuy Cơ nói “Tức là bốn Nhiếp sự này, mỗi nhiếp đều có lợi ích, yên vui. Cũng được dù thí cho của người kia khiến họ phát tâm v.v... là lợi ích, hiện được vật dụng, là yên vui v.v...”

Như thế, cho đến nhất nhất đều có đủ, y cứ mà biết. Nếu không như vậy, thì Lợi hạnh, ái ngữ tùy tăng nói lời ích, bố thí là yên vui. Đồng sự là chung cho cả hai, vì đồng là thiện, ác.

Ba môn trong Hồi hướng không trái ngược, nghĩa là tức khéo tu sự nghiệp là một, phương tiện thiện xảo là hai, lợi ích người là ba.

Trong phân biệt chung có hai:

1) Nói về bốn thứ này nhiếp khắp cùng tận pháp sở học của tại gia, xuất gia.

2) Nói về tại gia, xuất gia, dù đồng tu bốn sự, mà vẫn khác nhau khá nhiều về chỗ hơn, kém. Bồ-tát xuất gia mà có thể kiềm chế phạm hạnh. Pháp sư Cơ nói “Ý kiềm chế, là lấy nghĩa gò bó cách ngại nhau. Người xuất gia có giới cấm, y cứ ở sự ngăn ngừa ba nghiệp ác, nên như móc xích. Bồ-tát tại gia thì không như thế.

IV. Phẩm tăng thượng ý lạc:

Trong đây, là nói chung về nhập phát tâm, ý lạc của Bồ-tát có bảy thứ lợi người và mười lăm thứ tự lợi, lợi người. Từ việc này nêu danh. Trước đã nói về phẩm tướng, phẩm Phần, là đều là pháp hạnh. Công hạnh đã Khởi, tất nhiên phải xuất sinh từ ý lạc, nên sau Phẩm Phần, là kế là, nói về ý lạc. Nếu theo Nhiếp luận thì “Dục và Thắng giải là thể của ý lạc.” Nếu theo luận Trang Nghiêm thì “Dục và Tư là tánh của ý lạc.”

Pháp sư Khuy Cơ nói “Trong đây có người nói giống như tăng thượng, chỉ ở Địa thượng. Theo văn nói về nghĩa chung cho Địa tiền có ngại.

Trong văn, trước hỏi, sau đáp. Trong phần đáp,

1) Có một bài tụng chia ra môn chương.

2) Văn xuôi trở đi, dựa theo chương để giải thích.

Nửa trên của bài tụng, nêu chung về bảy tướng lợi người.

“Thương xót...” nửa bài tụng dưới, là nêu chung mười lăm tác sự ý lạc.

Y cứ trong văn xuôi giải thích, được chia làm hai: Trước, giải thích về thương xót, kế giải thích về ý lạc.

Trong phần trước nói rằng “Vì đủ thương xót nên gọi là thiện ý lạc. Luận sư Cảnh nói “Bảy thứ thương xót, phải biết là tướng giả dối của Từ bi. Từ bi tức là không có tánh Nhuế, từ bi chân thật lấy trí tuệ làm thể, cũng có thể bảy thứ trở lên là ý lạc, vì tương ứng với thương xót, nên gọi là thương xót.”

Bị Luận sư nói “Thắng giải với Vô sân đều cùng từ bạn giúp đỡ, gọi là thương xót. Khắc thể trở lại là thắng giải. Lại, giải thích kinh, luận, gọi là bất định. Hoặc có thuyết nói “Trí gọi là Đại bi, quán tưởng như thật.” Hoặc có pháp đương lai, như Hỷ Vô lượng trong quán tưởng giả dối.

Nói là cuối cùng không dùng phi pháp v.v... nghĩa là không dùng hành động của mười điều ác, phi pháp, phi luật, phi Hiền thiện và chỗ phi lý của tà pháp ngoại đạo, khuyến khích trao cho hữu tình.

“Nói là tên không có nhiễm, cũng gọi là Vô duyên. Pháp sư Cơ giải thích “Không cầu trả ơn, gọi là không có nhiễm, không mong cầu quả sau, gọi là Vô duyên. Lại, hai thứ đều gọi là vô nhiễm. Vì nhiễm chung cho báo và quả thế gian đời sau, nên “duyên” cũng có cả nhiễm đó.

Thứ hai, trong giải thích về mười lăm ý lạc, được chia làm bốn:

1) Nói về thể, nêu danh.

2) Giải thích.

3) Nói về mười lăm ý lạc, có thể tạo ra mười việc.

4) Kết nhiếp, nói về lợi. Bảy thứ trước trong mười lăm từ cảnh mà được tên. Kế là, có ba thứ từ nghĩa đặt tên. Năm thứ sau, từ địa vị mà được tên gọi.

Nói “Lại, các Bồ-tát không thanh tịnh ý lạc, đây gọi là nên điều phục ý lạc v.v... Nghĩa là Địa tiền chưa chứng pháp, chỉ hiện bốn thứ như thần thông v.v... nhằm điều phục ý lạc. Bát Địa trở lên, tự chứng Chân như, tu tập thần thông trong nhiều kiếp với thân đều cùng sinh, nên thanh tịnh ý lạc thiện thanh tịnh, là ý lạc “câu sinh”, dùng tánh của ý lạc thanh tịnh để thành tựu thiện thanh tịnh an lập.

V. Phẩm Trụ:

Trụ, nghĩa là gì? Tức nhân mười hai địa vị, chủ thể hữu trụ, hữu vi, vô vi trong Bồ-tát trụ, nên gọi là phẩm Trụ.

Trước kia đã nói rộng về các hạnh của Bồ-tát. Hạnh, tất nhiên nương tựa ở địa vị. Cho nên, sau phẩm ý lạc là nói phẩm Trụ. Trong phẩm này, trước là nêu câu hỏi ở trước. Kế là, nêu số, nêu danh. Sau, là hỏi đáp, giải thích.

Ba câu trong phần trước:

- 1) Nhắc lại ở trước.
- 2) Sinh sau, nêu số.
- 3) Nêu danh.

Như thế, bắt đầu từ đây đủ chủng tánh nói rộng, cho đến sở học của Bồ-tát như đã nói, chính siêng năng tu học, đây là nhắc lại mười tám phẩm Công đức trong trì thứ nhất. Đối với các tướng của Bồ-tát như đã nói, chính thức đồng hiển hiện, là phẩm tướng thứ nhất trong trì này.

Chính siêng năng tu học trong phần gia hạnh của các Bồ-tát, là phẩm Phần.

Ý lạc của Bồ-tát như đã nói, là phẩm ý lạc.

“Các chúng Bồ-tát...” trở xuống, là sinh sau, nêu số, trong đó, đầu tiên, là nêu Bồ-tát trụ. Kế là, nêu Như lai trụ. Trong phần nêu danh, 1) Nêu bài tụng, 2) Thuộc về văn xuôi.

Trong ba trụ tăng thượng tuệ nói rằng “Các Bồ-tát biết rõ như thật, chủ thể quán chân thật v.v... nghĩa là phẩm Đạo là chủ thể quán. Các Đế của phẩm Đạo là sở quán (đối tượng quán). Ngũ Địa quán còn lại là sở quán.

Bồ-tát Lục Địa quán biết chúng sinh, do mê không có trí, nên trôi lăn trong mọi nỗi khổ. Do ngộ có trí, nên các khổ thôi dứt. Chân quán nối nhau trong Địa thứ bảy, gọi là không xen hở thiếu sót. Dù cũng “duyên” Tục, nhưng phần nhiều trụ Chân như, gọi là Vô tướng trụ.

Pháp sư Khuy Cơ nói “Chẳng phải không có tâm hữu lậu ngăn cách, mà là dùng nhiều quán Vô lậu nối nhau để nói, nên nói là không có gián cách, chứ chẳng phải thật sự không có gián cách.

Trong bát Địa, Chân, Tục đều quán, gọi là không xen hở thiếu sót. Thuận theo từ Chân quán, gọi là Vô tướng trụ. Kinh Thiện Giới nói “Không thấy Bồ-đề và tướng chúng sinh nên nói là Vô tướng.”

Thứ hai, trong hỏi đáp, giải thích, đầu tiên, sơ lược, kế là, giải thích rộng.

Trong phần sơ lược chia làm hai:

- 1) Giải thích riêng.
- 2) Phân biệt chung.

Trong chủng tánh trụ, rằng, trụ Bồ-tát chủng tánh là thế nào? Nghĩa là hỏi về thể của chủng tánh. Thế nào là Bồ-tát trụ chủng tánh trụ? Nghĩa là hỏi về người năng trụ.

Trong phần đáp, dùng ba nghĩa để đáp chung hai câu hỏi trước:

- 1) Tu tánh phước thiện
- 2) Nói về tánh lia nghiệp Vô gián v.v... thô, như bản.

Trong phần trước, Luận sư Cảnh nói “ các Bồ-tát trụ chủng tánh, tánh tự nhân, Hiền thành thực, cho đến rất nhiều pháp thiện, nghĩa là thành hạt giống.

Về hiện hạnh kia cũng hiển hiện. Thập tín trở xuống ở phần vị trôi lăn. Do năng lực chủng tánh khiến cho hạt giống kia hiện hành, nghĩa là thường khởi phần thiện của phước, chứ chẳng phải khởi thiện của phần giải thoát, thì là Thập Tín. Thập Tín, tức là gồm cả Giải, Hạnh, Trụ, chẳng phải chủng tánh trụ.

Trong văn dưới đây sẽ nói về hạnh vị khác rằng, từ mới phát tâm, cho đến chưa được ý lạc thanh tịnh, đã có các hạnh, tất cả đều trụ thẳng giải, nên biết là khởi mọi điều thiện trong chủng tánh trụ, đều là phần phước, chẳng phải nghi ngờ, do tánh nhân, Hiền, thôi thúc loại bỏ phương tiện, cuối cùng chẳng phải do tư căn v.v... tư, nghĩa là do sức chủng tánh, đôn đốc tu thiện của phần phước v.v... Luận sư Trắc nói “Bồ-tát thích ứng với rất nhiều pháp thiện đối với hiện hạnh kia, nghĩa là có hai giải thích:

1) “Bồ-tát Thập Trụ trở xuống, gọi là chủng tánh trụ. Y cứ khi chưa phát tâm, đã thích ứng với hiện hạnh trong thiện căn của phần trước, nghĩa là dựa vào phần ở trước, cũng có nghĩa năng hiện hạnh. Nếu đã phát tâm, thì không hiện hạnh.”

2) “Bồ-tát Thập Trụ cũng gọi là chủng tánh. Đối với pháp thiện được thích hợp, tức là sáu Ba-la-mật hữu lậu. Nếu theo giải thích trước, thì có một vài điểm bất đồng với Nhiếp luận: Nhiếp luận thì y cứ vào ba-tăng-kỳ để chia làm năm người của ba địa vị. Dựa vào năm người của ba địa vị này làm thành mười hai trụ. Chủng tánh trụ của Bồ-tát kia y cứ ở phát tâm”, còn luận này nói rằng, chủng tánh là phần vị chưa phát tâm, nên không tương đương.”

Ngài Tam Tạng xét Nhiếp luận của bản Phạm thì nay không có văn của mười hai trụ, nên không cần giải thích. Luận Nhiếp Đại thừa

cũng không có văn của mười hai trụ. Do đó, nghiệm biết Tam Tạng Chân đế đã dịch lầm.

Ở đây nói rằng “giữ gìn hạt giống của tất cả Phật pháp ở trong nội thể. Luận sư Cảnh nói “Lời nói này là chung.”

Đã đầy đủ trong sở y (đối tượng nương tựa): Đây là y cứ ở chỉ định riêng, thì gìn giữ hạt giống của tất cả Phật pháp kia trong A-lại-da, gọi là trong sở y.

Luận sư Trắc nói “Ở đây, sáu nhập thù thắng trong chủng tánh đã nói trên, lần lượt nối tiếp nhau, vô thủ pháp nhĩ nghĩa đó là một. Ở trong tự thể, ở trong sở y, cũng là Nhiếp luận dựa vào Bản thức. Sở y của hạt giống có hai:

1) Môn Chân thật lý thì dựa vào A-lại-da mà chuyển.

2) Môn Tùy chuyển lý, dựa vào thân năm uẩn mà trụ. Kế nói rằng, tánh lia Bồ-tát, cho đến tạo nghiệp Vô gián. Luận sư Cảnh nói “Bồ-tát chủng tánh dù còn trôi lăn trong phàm phu, nhưng không khởi sân thô, mạn mẽ, nhay bén, soạn năm luân Vô gián, tà kiến, dứt điều thiện, chỉ vua A-xà-thế giết cha, Đạt-đa làm thân Phật chảy máu v.v... đều là Bồ-tát học đã lâu, quyền hiện đồng với phàm, dẫn dắt người gây ra năm tội nghịch, để họ sớm sửa đổi, ăn năn.”

Pháp sư Thái nói “Chủng tánh có hai:

1) Tánh chủng tánh, nghĩa là từ vô thủ, phàm phu có tánh Đại thừa, cũng tạo Vô gián dứt thiện.

2) Tập chủng tánh, nghĩa là ở trước Thập Tín, phát tâm Bồ-đề và địa vị Thập Tín. Nay, nói về Tập chủng tánh, nên tánh lia thô, như bản.

Trong Thắng giải hạnh nói rằng “Từ phát tâm cho đến gọi là Giải hạnh trụ, phát ra hạnh vị kia. Luận sư Trắc nói “Thuật lại hai giải thích:

1) “Tự Thập Tín trở lên, đều gọi là phát tâm trụ.”

2) “Từ Thập Giải trở lên, mới gọi là Phát tâm.

Nói mười một chủng tánh khác trong chủng tánh trụ và Như lai trụ, chỉ có nhân chuyển biến nhiếp thọ nhân kia v.v... tức là đối với trước, sau để phân biệt sự khác nhau, nghĩa là chỉ thành sát trong chủng tánh trụ, về sau, sẽ trụ ở nhân, chưa khởi hiện hạnh, phát hạnh thu hưởng. Luận sư Cảnh nói “Phải biết rằng, trước đây đã nói là mọi công hạnh hiện khởi trong chủng tánh trụ, hiện Khởi, chỉ là phần phước được ngay, nên gọi là được tức khắc. Vì “giáo hạnh” thành tựu ngay, nên gọi là được tức khắc. Vì “chứng hạnh” được thể hiện rõ tức khắc, nên gọi

là tịnh tức khác.

Thế nào là Bồ-tát kia trụ? Trụ sở trụ riêng, có Vô lượng phẩm, vì Như lai trụ tướng, chỉ có một phẩm, nên có khác nhau?

Luận sư Trắc nói “Được các công đức, sao là được ngay? Là các lỗi lầm, sao là tịnh ngay? Nếu y cứ ở hiện hành thì không thể hiện hành ngay, nhưng vì thành thực, nên nói là được ngay.”

Trong Vô ngại giải trụ nói rằng “Đối với các môn khác của các pháp, nói là nghĩa Pháp biện, hướng đến nghĩa biện, nhằm giải thích sự khác nhau giữa Từ, Từ biện. Biện, tức là bốn biện tài. Phân biệt về biện tài trong phần sơ lược đã xong.

Dưới đây là nói chung, có hai:

1) Nói về đối tượng tạo tác không đồng.

2) Nói về công hạnh v.v... thắng giải có khác nhau đối với chứng Vô tướng.

Cho nên không nói chung tánh trụ, là vì trong đây, chỉ muốn nói về tướng phát tâm Khởi hạnh. Ở Sơ trụ vì không có tướng này, nên không cần giải thích. Hạnh thắng giải trụ công việc làm hẹp, nhỏ. Vìển Pháp sư nói “Vì công hạnh hướng đến hạn chế ít, vì nên gọi là hẹp; vì không thể thường xuyên thực hành, nên gọi là thiếu; vì hạnh, tâm không Hiền, nên nói là bất định; vì hễ gặp “duyên” liền mất mát, nên nói là có lui sụt.”

Luận sư Cảnh nói “Vì mọi công hạnh đã khởi, chưa chứng Pháp giới, nên nói là hẹp, nhỏ; chưa thể lia lỗi, nên nói có thiếu, vì có khởi, không khởi, nên gọi là không nhất định. Địa tiền là địa vị phàm phu, nói chung là lui sụt. Công hạnh của lục Địa như cực Hỷ v.v... xứng với Pháp giới, gọi là rộng lớn; lia lỗi nói là không thiếu; thường khởi các công hạnh, gọi là quyết định. Chứng lý, nói là bất thối. Thất Địa, nói là Vô tướng ban đầu. Bát Địa, nói là Vô tướng thứ hai. Thất Địa trở lại, chỉ đối với mỗi công hạnh, mà khởi tất cả công hạnh. Bát Địa trở lên, vì khởi tất cả hạnh trong tất cả hạnh, nói là Vô lượng. Công dụng của thất Địa, về sau, gần lên bát Địa, về tướng thì từ chung, nên nói là Vô lượng.”

Pháp sư Khuy Cơ nói “Có sở đắc, có lui sụt, chứng tỏ công hạnh không nhất định. Lại, không nhất định, nghĩa là việc làm không thuần. Có lui sụt, nghĩa là không thể thuần, tiến tới. Lại, bất định là vẫn còn có tâm do dự, nghĩa là vì không thể tiến hơn, cho nên lui lại.

Trong sai khác của Vô tướng, nếu theo Cự luận, thì chỉ có bốn trường hợp: Lấy ai Vô Tướng trụ hợp với tu tịnh, luận này có năm trường hợp:

1) Ở Địa tiền, chưa thể chính có khả năng Vô tướng Chân như, chỉ có phát thú.

2) Lục Địa trước, đối với Vô tướng trụ, dù tu, nhưng vì chưa viên mãn, nên nói là đạt được.

3) Địa thứ bảy, nói là chứng đầy đủ viên mãn. Ở đây có hai giải thích:

a) “Tướng của ba Địa đầu, đồng với phạm phu. Tứ Địa, phẩm Đạo. Ngũ Địa, Tứ đế. Lục Địa duyên Khởi, tùy sự quán riêng Vô tướng, không viên mãn.”

Bỏ các tướng của lục Địa trước trong Địa thứ bảy, vì nhập mười thứ hạnh thù thắng của thất Địa, nên nói là Vô tướng viên mãn, như nói rộng ở sau.

b) “Y cứ sự thật để giải thích, lục Địa trước, thời gian nhập Chân quán ít, Khởi Tục quán nhiều, nên gọi là không viên mãn. Trong Địa thứ bảy, thời gian nhập Chân quán nhiều, thời gian xuất quán ít, nên nói là viên mãn. Lại ở Địa này, vì Chân, Tục song hành, nên nói là viên mãn. Lại ở địa này chân tục song hành nên gọi là Viên mãn.

4) Bát Địa vì đủ thanh tịnh, là công dụng.

5) Cửu Địa, Tậhp Địa, tu đủ quả, được lãnh thọ, nên nói là do tu hành viên mãn, nên chỉ có thể lãnh thọ.

Luận sư Cảnh nói “Vì hai Địa sau, Chân, Tục đều không có công dụng, là tu, học Vô tướng.”

Dưới đây là thứ hai, nói rộng, trong đó cũng có hai: trước riêng, sau chung. Trong phần trước không nói ý sơ trụ, nghĩa như giải thích ở trước. Y cứ nói thắng giải hành trụ, có hai: đầu tiên là nói tướng hành trạng, sau nói về ba phẩm nhãn.

Trong phần trước, gồm có: Hỏi, giải thích, kết.

Hạnh là sao? Trạng thái là sao? Tướng là sao? Ngài Tam Tạng nói “Hạnh, tức là trạng thái, trạng thái, tức là tướng, danh khác, mà nghĩa một.”

Luận sư Trắc lại thuật lại hai giải thích:

1) “Trụ riêng có ba thời gian khác nhau, nên nói về Hành, trạng thái, tướng, như thứ lớp phối hợp.

2) “Kiến, tướng, gọi là hành; Tự chứng, gọi là trạng thái, chứng tự chứng phần, là gọi là Tướng.”

Nay, xét theo Cựu luận, chỉ hỏi có hành tướng gì? Lại, trong phần đáp dưới đây, không có giải thích riêng, có ba. Lại, theo ngài Tam Tạng đã nói trước đây.

Trong giải thích có hai:

- 1) Nói riêng về tu vượt hơn chưa thành.
- 2) Nói về đức thù thắng chưa đủ.

Trong phần trước Văn có chín lượt. Đầu tiên, do tư duy, giải thích, mới có thể tu tạo, chưa thể nhập vận thành xong tu vượt hơn. Tu vượt hơn, là nhân định. Do định mà sinh ra quả thần thông v.v... cũng chưa thể được, nghĩa là vì chưa được định căn bản, nên chưa vượt qua năm sự sợ hãi.

Pháp sư Khuy Cơ nói “Chiếu theo chủ thể đối trị năm sự sợ hãi v.v... dưới đây, đối tượng trị (sở trị) là thể của sự sợ hãi này. Sự sợ hãi này lấy gì làm thể?”

1) Sợ không sống, lấy ngã Kiến và ngã ái giúp cho sự sinh ái làm thể, nên dưới đây nói rằng “Do trí tu Vô ngã, phân biệt tướng ngã, còn không chuyển biến, hướng chi được có phân biệt ngã ái, hoặc giúp sinh ái, nên biết lấy ngã kiến, và ái làm thể.”

2) Sợ tên xấu ác, lấy tham dục làm thể, nên văn dưới đây nói “Do không có hy vọng gì ở người khác, nên thường tự phát Khởi đủ niềm vui như thế, sẽ lợi ích tất cả hữu tình, phi hữu tình có nhu cầu, tìm kiếm. Do nhân này vượt hơn, không sợ tên xấu ác, nên biết lấy tham dục làm thể.”

3) Sợ chết, vì lấy ngã kiến làm thể, nên văn dưới đây nói rằng “Do lìa ngã kiến, nên đối với ngã vì không có tướng mất mát, hư hoại đổi thay, nên không có sợ chết”, là nói biết lấy ngã Kiến làm thể.

4) Sợ đường ác, lấy si làm thể. Luận dưới đây nói rằng “Tự biết sau khi chết, ở đời đương lai, quyết định sẽ gặp Chư Phật, Bồ-tát. Do quyết định này, nên không có sợ đường ác.”

5) Sợ ở mọi tánh, lấy si làm thể, nên dưới đây luận nói “Do ý lạc, tất cả thế gian, còn không có một ai bằng ta, hướng chi là hơn. Cho nên, có sợ ở mọi tánh. Đối tượng trị này lấy si làm thể.

Tin người khác...” trở xuống, là nói về tin người khác, nên làm ra vẻ chưa tự biết rõ.

Thành tựu văn hẹp, nhỏ...” trở xuống, là nói về năm căn chưa mãn, thành tựu nghe nhỏ hẹp, mà thành biết v.v... Nghĩa là nói về tuệ căn chưa mãn, đôi khi quên mất, nghĩa là Niệm căn chưa thành.

Hạnh khổ trì thông, nghĩa là Định căn chưa thành tựu, đối với Đại Bồ-đề không có mạnh mẽ, nhay bén.

Ưa muốn, nghĩa là ở đây nói sự ưa muốn không dữ dội.

Tinh tấn, nghĩa là nói về cần cần, không sâu chắc lắm.

Tịnh tín, là tín căn.

Ở ba chỗ có niệm quên mất.

Từ “thông minh v.v...” trở xuống, là niệm, tuệ không nhất định.

Nói “Hoặc đôi khi ghi nhớ đầy đủ, hoặc vào một thời gian trở thành loại quên nhớ nghĩ, chứ chẳng phải vì nhớ, quên mà nói là loại.”

Đối với các hữu tình trở xuống, là không biết như thật về các thứ phương tiện lợi mình, lợi người.

Hoặc ở vào thời kỳ đối với Đại Bồ-đề...” trở xuống, là nói về hai lợi hạnh tiến, lùi không nhất định. Do tư duy lựa chọn, nên muốn cho người khác ưa thích, nghĩa là lợi mình thì dễ, việc lợi người thì khó, cần phải do tư duy lựa chọn.

Đối với các Bồ-tát có trái phạm...” trở xuống, là nói về thường có trái phạm, do dự, nghi ngờ.

Xa lìa Đại bi đối với các hữu tình.

Trên đây, nói về tu vượt hơn chưa thành tựu trở xuống: là nói về Đức vượt hơn chưa đủ. Văn có bốn lượt:

1) Trong đức viên mãn có mười tám phẩm Sơ trì đã nói như trên chưa thể học khắp.

2) Năm tướng của phẩm tướng đã nói như trên, chưa thể thành thực.

3) Hai phần gia hạnh của tại gia, xuất gia ở phẩm “Phần” chưa hiển hiện đồng đều.

4) Mười ý lạc của phẩm ý lạc cũng chưa thanh tịnh, cho đến đối với sự hừng cháy kia, pháp Bồ-đề phần của điều thiện mẫu nhiệm không nghiêng động, chưa có thể thành thực.

Phán quyết thứ hai, trong ba phẩm Nhẫn, văn chia làm ba:

1) Giải, Hạnh, Trụ là ba phẩm.

2) Đối với phẩm này, nói về tám trụ sau.

3) Giải thích chung về vấn nạn của người ngoài.

Nói Nhẫn phẩm hạ lúc chuyển biến, phẩm thượng v.v... của tướng trạng đã nói trên. Luận sư Cảnh, Cơ đồng nói rằng “Lỗi của Địa tiền đã nói trước, ở địa vị Thập tín khi đủ Nhẫn phẩm hạ, lỗi này là phẩm thượng. Ở lúc Thập Giải, Thập Hạnh có đủ Nhẫn phẩm Trung. Thập hồi hướng v.v... đã đủ Nhẫn phẩm thượng, lỗi ấy là của phẩm Trung, hạ.”

Pháp sư Thái nói “Thắng giải hạnh, trụ, nghĩa là Thập Giải, Thập Hạnh, Thập Hồi Hướng, tức là ba phẩm Nhẫn hạ, Trung, Thượng.

Kế là, trong văn nói rằng “Do được các pháp đã nói ở Thắng giải hạnh trụ trong phương tiện được Cực Hỷ trụ, nên các pháp Địa tiền đều

không hiện, phẩm bạch của Sơ Địa đều thể hiện rõ, đây là bỏ Thể, nghĩa là bỏ đủ được danh.

Giải thích vấn nạn. Nạn rằng “Địa tiền, trải qua một Tăng kỳ kiếp nhằm chế phục “hoặc”, tịnh tu, sao không tịnh ý lạc vượt hơn? Cho nên, ở đây, giải thích rằng “Lúc giải, Hạnh chuyển biến, dù phần nhỏ thanh tịnh thắng giải mà chưa được gọi là ý lạc thanh tịnh. Do bị nhiễm ô của dòng phiền não mà chuyển biến. Cực Hoan hỷ trụ thì không như thế.

Trong Hoan Hỷ trụ, trước là hỏi, kế là, giải thích, sau, là kết.

Trong giải thích có tám:

- 1) Nói về sáu quyết định là Thể của các Địa.
- 2) Nói về bốn tướng phát tâm.
- 3) Nói phát khởi tinh tấn, dẫn phát chánh nguyện.
- 4) Nói về mười thứ tịnh tu pháp trụ.
- 5) Nói về chia ra rõ trụ khác.
- 6) Nói về tu trị căn lành.
- 7) Nói về sự thọ sinh.
- 8) Nói về oai lực.

Trong tám pháp này, một đoạn văn đầu tiên, nói về thể của các Địa. Bảy pháp sau, nói về Tướng.

Tự tánh Bồ-đề, nghĩa là hai đoạn, hai trí. Phương tiện Bồ-đề, nghĩa là sáu Độ. Sáu độ của Địa tiền chưa mất, ba Luân tùy người khác mà chuyển, vì trừ Xả kia.

Phát khởi sáu tướng mới, khéo quyết định. Nghĩa là nêu chung về số. Tướng quyết định này nhập Địa, mới chứng gọi là mới, thiện. Nếu theo Cựu luận thì sẽ có số một, hai v.v... Luận Thập Địa nói rằng:

1) Gọi là quán tướng quyết định thiện Chân như quán, vì tướng một vị, như Kinh nói “không có xen lẫn.”

2) Chân thật khéo quyết định, chẳng phải tất cả cảnh giới của thế gian, vì xuất thế gian, như kinh nói “Vì không thể thấy.”

3) Khéo quyết định vượt hơn, cho đến như Kinh nói “Rộng lớn như pháp giới.”

4) Nhân khéo quyết định có hai thứ nhân:

a) Thành quả ái Vô thường, quả nhân khéo quyết định, nhân này như hư không. Dựa vào hư không này sinh các sắc không tận cùng, như kinh nói “Rốt ráo như hư không.” y theo đây sanh ra các sắc, sắc không cùng tận. Như kinh nói rốt ráo như hư không.

b) Quả đương lai nhân khéo quyết định, được đạo Niết-bàn, như Kinh nói “Tận cùng mé vị lai.”

5) Quyết định đại thiện, thuận theo công hạnh tạo lợi ích cho người, như kinh nói “Che chở tất cả cõi chúng sinh.”

6) Không yếu hèn khéo quyết định, nhập tất cả Địa của Chư Phật, vì không yếu hèn. Như kinh nói “Phật tử là các Bồ-tát, vì có thể nhập vào ba đời khởi Địa. Trong đây, đầu tiên nói rằng “nội chứng, tu tánh, Bồ-tát, Đại Phật vượt qua tất cả Phật bạch tịnh khác. Luận sư Cảnh nói “Nghĩa là Vô phân biệt Khởi chứng nội, phát tâm một vị, vì không lẫn lộn, nên siêu việt Đức Phật khác, là tướng quán thứ nhất kia.”

Pháp sư Khuy Cơ nói:

1) Đức Phật câu Bồ-đề không có nguyện lẫn lộn tức là dùng trí Hậu đắc để quán.”

2) “Quả v.v... bất cộng vô đẳng...” trở xuống, là vì không thể bằng, nên nói “Vô đẳng”. Không đồng với dưới, nên nói bất cộng, Địa tiền kia vì trước tu tập mà thành, nên nói là quả. Dù đồng với cảnh thế gian, như kinh nói “Vì không thể thấy”, thì đây là chân thật khéo quyết thật thứ hai trong kia.”

3) “Tùy che chở tất cả hữu tình khổ, nên không chung với tất cả Thanh văn, Độc giác.”

Luận sư Cảnh nói “Là rất khéo quyết định lẫn lộn thứ năm kia.”

Luận sư Trắc nói “Là quyết định đại thiện vượt hơn thứ ba kia.”

4) “Dù một sát-na cho đến quả đáng yêu.” Luận sư Cảnh nói “Là quyết định thiện vượt hơn kia.”

Luận sư Trắc nói “Là nhân quyết định thiện thứ tư kia.”

5) “Lại, nguyện lớn này không có thay đổi, không có tận cùng v.v... Luận sư Cảnh nói “Là nhân quyết định thiện thứ tư kia.”

Luận sư Trắc nói “Là quyết định thiện thứ năm kia.”

Pháp sư Khuy Cơ nói “Che chở, gìn giữ tất cả cõi chúng sinh”, nghĩa là hình thể của Kinh thích hợp với ba thứ lớp này tùy cứu vớt tất cả hữu tình.”

Thưa ba kia, kinh nói “Rộng lớn như Pháp giới”, là thứ năm ở đây. Nghĩa là được nguyện Vô tận, không thể lui sụt, rộng lớn như Pháp giới.”

6) “Lại, phần vượt hơn này rơi vào Bồ-đề cực đại của bờ mé sau, tức là quyết định yếu kém thứ sáu kia, nghĩa là Đức Phật này là phần vượt hơn, có thể nói là bờ mé sau, có thể tận cùng Bồ-đề cực đại, nhập trí Địa ba đời, trí Địa ba đời là quả Phật. Được đại Bồ-đề, không yếu kém, không đối với Đại Bồ-đề, mà sinh yếu kém.”

Pháp sư Khuy Cơ phán quyết rằng, ba thứ trước trong sáu là trí

Hậu đắc; ba thứ sau, là chung cho hai trí.

Trong nói về bốn tướng phát tâm được chia làm ba:

- 1) Nói về bốn tướng phát tâm.
- 2) Giải thích nghĩa vui mừng.
- 3) Giải thích về lìa nguyên nhân của năm thứ sợ hãi.

Trong phần trước, trước nêu câu hỏi, nên biết sau là giải thích theo thứ lớp. Địa Luận giải thích về tướng, Văn kinh thì bao gồm cả hai. Sơ trụ, an trụ, hợp tác nói là Phần. Phần nhập đủ Sơ trụ, phần trụ, gọi là an trụ. Phần Địa mãn, gọi là xét tra, đo lường phần vượt hơn, tức là phần xuất ly.

Y cứ trong thuyết có ba:

Một phần trụ có hai giải thích đủ ba an trụ. Sự khác nhau trong trụ có bốn mươi câu, được chia làm bốn:

- 1) Dựa vào thân nào?
- 2) Vì nghĩa gì?
- 3) Do nhân nào?
- 4) Có tướng gì? Với bốn tướng của Luận này rất đồng, còn về phần khác, nghĩa là thân nào trong trụ kia? Là Sơ địa phát tâm, dựa vào thân Sơ địa.

Trong đây, nói về người giải, hạnh. Vì sao? Vì lẽ trong luận này muốn nói về mười ba trụ. Vì thứ lớp sinh nhau, nên dùng giải hạnh làm người phát tâm.

Trong đây, tướng nào phát tâm? Nghĩa là hỏi về thể tướng của phát tâm. “Duyên” nghĩ về những gì? nghĩa là “duyên” cảnh giới nào mà phát tâm ư? Trạng thái gì? Tướng gì? Tự tánh nào Khởi? Nghĩa là hỏi về trạng thái phát tâm và với tự tánh mau chóng khởi tư lương Bồ-đề. Thuận theo và lợi người. Việc làm thuận theo và hai quả thuận theo, là đáp về trạng thái phát tâm.

Tâm nguyện rộng lớn, là đáp tự tánh nào khởi. Có thắng lợi nào? Là hỏi về thắng lợi kia.

Trong giải thích theo thứ lớp, được chia làm bốn đoạn: Tướng một, hai thì có văn kết. Tướng ba, bốn không có văn kết.

1) Đầu tiên, nói về phát tâm tướng nào? Nghĩa là đã vượt qua Địa tiền. Mười câu như gom góp nhiều căn lành sâu dày v.v... trong Kinh Thập Địa, nhằm nói về sự nương tựa vào thân. Câu đầu là chung chín câu còn lại là riêng.

2) Nói về “duyên” ý nghĩa gì? Nghĩa là tức bốn viên mãn. Câu đầu là nói về nhân tố lợi mình, câu thứ hai, nói về nhân tố lợi người.

3) Quả lợi mình.

4) Quả lợi người.

Địa luận nói “Vì nghĩa gì mà sinh tâm như thế? Kinh nói “Vì được trí Phật, nên đồng có mười trường hợp: Trường hợp đầu là trường hợp chung, chín trường hợp còn lại là riêng.

Về nghĩa nhân, quả trong đây hợp thành mười trường hợp.

Nói về tướng trạng phát tâm, văn cũng có bốn trường hợp. Địa luận nói “Do nghĩa nào nên sinh tâm như thế?” Kinh nói “Có mười trường hợp là tâm Đại bi đứng đầu v.v...” tức là lấy Đại bi làm trường hợp chung, chín trường hợp còn lại là khác nhau.

Nói về sự thắng lợi. Địa Kinh có chín trường hợp, văn nói về tám lỗi. So lường về lỗi ở giai đoạn phạm phu, thứ nhất là trường hợp chung. Tám trường hợp dưới là riêng.

Trong đây nói rằng “Chứng nhập tánh ly sinh của Bồ-tát là lỗi nhập địa vị thứ nhất.”

Sinh vào nhà Như lai, là lỗi nhà thứ hai, thành con ở hông Phật, là lỗi chủng tánh thứ ba. Như ngoại đạo nói chủng Bà-la-môn sinh ra từ tìm, hông của Phạm Vương. Nay, nói Bồ-tát từ hông Phật sinh, nhất định thu hưởng Chánh đẳng Bồ-đề v.v... chính là lỗi hoàn tất định thứ tám kia. Lược qua không nói về lỗi của đạo thứ tư trong đó. Lỗi của pháp thể thứ năm; lỗi gia thứ sáu, lỗi nghiệp thứ bảy.

Dưới đây giải thích nghĩa Hoan hỷ, có bốn trường hợp:

1) Vì chứng bất tịnh, hư hoại, cho nên vui mừng.

2) Quán thân mình, thuận theo công dụng của hai hạnh lợi mình, lợi người, một cách nhanh chóng, vì viên mãn nên thường vui mừng.

Nói “xa lìa nhiều phần nộ, hãm hại, đấu tranh.” Pháp sư Thái nói “Địa tiên vì chỉ lìa hiện hạnh, nên nói là phần ít. Sơ địa đều lìa hạt giống nên nói là nhiều phần. Vì chỉ lìa kiến hoặc, chưa dứt trừ tu hoặc, nên chẳng phải hoàn toàn xa lìa.

3) Tự quán thấy điều thiện mầu nhiệm, rộng lớn, lìa dòng hoan hỷ, lợi ích thân, tâm.

4) Lại tự biết rõ cách gần Bồ-đề, vì lìa sợ hãi, nên thường vui mừng.

Phần thứ ba, nói về dứt trừ nguyên nhân của năm sợ hãi, trong đó, trước, là nói lìa năm thứ sợ hãi. Sau, nhân lìa sợ hãi, lại nói lìa phiền não khác, tu trí Vô ngã, lìa ngã ái và giúp sinh ra ái, không có nỗi sợ hãi không sống v.v... Đoạn văn này là nói do trí Vô ngã, đối trị nỗi lo sợ không sống, biết ngã kiến và ái v.v... là giả.

Rằng “Vì sợ...” trở xuống, trong phần nói về lìa phiền não khác. Luận sư Trắc lấy Địa bi trong an trụ của Địa kinh làm đầu, đồng phối hợp với ba mươi một câu văn, .

Dưới đây là thứ ba, nói phát khởi tinh tấn, dẫn phát chánh nguyện, trong đó chia làm ba: Trước, nêu chung, dẫn phát chánh nguyện. Kế là, giải thích, sau, là kết.

Luận sư Trắc nói “Theo luận Thập địa, dưới đây là xét tra, so lường phần vượt hơn. Xét lường có ba:

- 1) Xét lường nguyện
- 2) Xét lường hạnh
- 3) Xét lường quả.

Văn này tương đương với xem xét suy lường thứ nhất kia.

Y cứ trong giải thích, chia làm hai:

- 1) Nói về khởi nguyện.
- 2) Nói mười nguyện có công năng sanh vô số. Trong phần trước có ba: a/ Nói về mười nguyện, b/ Nêu câu vô tận để thành mười nguyện, c/ sau xếp vào hai thứ khởi nguyện nương tựa.

Nguyện trong đây đều nói vì khởi nhân duyên của Phật, nên đều nói là vì dục v.v... Hoặc tiền phương tiện, gọi là nhân duyên. Nếu chính khởi, thì gọi là nguyện căn bản.

Nói mười Phật dưới đây là:

- 1) Nguyện cúng dường.
- 2) Nguyện thọ trì truyền, nói.
- 3) Nguyện khuyến thỉnh xoay bánh xe pháp, cũng gọi là nguyện tám tướng thành đạo.
- 4) Nguyện tu hành.
- 5) Nguyện thành thực chúng sinh.
- 6) Nguyện nhiếp pháp đặt ở đầu.
- 7) Nguyện tu trị Tịnh độ.
- 8) Nguyện đồng tâm, đồng hạnh.

Nói “Thường đồng một vị gia hạnh ý lạc với các Bồ-tát,”. Nghĩa là như Cựu luận cho rằng, đồng một phương tiện với tất cả Bồ-tát, dùng Đại thừa để giáo hóa, gọi là một vị.

- 9) Nguyện ba nghiệp không cùng tận.
- 10) Nguyện thành Bồ-đề.

Kế là, nêu mười trường hợp vô tận, trở thành mười đại nguyện, mười trường hợp cùng tận:

1. Thế giới chúng sinh cùng tận

2. Thế giới cùng tận
3. Thế giới Hư không tận
4. Pháp giới viên mãn cùng tận.
5. Thế giới Niết-bàn cùng tận
6. Thế giới Phật xuất hiện cùng tận
7. Thế giới Như lai khởi cùng tận.
8. Thế giới sở duyên của tâm cùng tận
9. Vì là cảnh giới Phật, nên nhập giới cùng tận
10. Thế giới chuyển của trí chuyển pháp luân thế gian cùng tận.

Phát nguyện này, nói thêm thế giới hữu tình v.v... “Như thế giới chúng sinh không cùng tận, nguyện của ta không cùng tận.” Cũng như, đạo thế gian trở xuống, là như khí thế giới bất tận, nguyện của ta bất tận.”

Đây là nguyện của mười nguyện trước, cho đến “Bồ-đề, cuối cùng không quên mất...” trở xuống, là xếp vào hai nguyện sanh Khởi. Mười tám nguyện trước vì “duyên” riêng mười việc nên phát mười nguyện. Mười nguyện Vô tận sau, là “duyên” nguyện Khởi nguyện.

Nói về mười thứ tịnh tu pháp trụ, là thích hợp với tám hạnh xét lường vượt hơn của Địa luận, tức là dựa vào các chánh hạnh như thế, ứng theo thời phần lượng v.v... trong chánh gia hạnh mà tu tầm, quý. Như Địa kinh nói “Thành Thế trí xong, biết thời gian, biết so lường tầm, quý, trang nghiêm tu tập đạo lợi mình, lợi người.”

Pháp sư Khuy Cơ nói “Nghĩa là như thời kỳ kiếp cuối cùng của năm trước, rằng, tùy theo thời kỳ này có thể thực hành pháp này. Phần lượng, nghĩa là tùy theo ngân ấy v.v... pháp.”

Nói về khai hiển các trụ khác, tức là thích hợp với sự xét lường vượt hơn của Địa luận, lợi của quả có bốn:

- 1) Quả điều nhu, nghĩa là trong tâm mãn của Địa, tu tập các hạnh điều phục, rèn luyện, đối trị v.v...
- 2) Quả phát thú, nghĩa là lại gom góp trong Địa đầy đủ, để giải thích phát ra quả thu hưởng này.
- 3) Quả Nhiếp báo, nghĩa là Vua Xà-Phù v.v...
- 4) Quả trí của bốn nguyện, nghĩa là tác dụng Vô lượng.

Luận này đồng với Địa luận kia, chỉ phần thứ hai của Luận kia là thứ nhất, tức là nói về quả phát thú, có pháp, dụ. Trong pháp nói “Từ Phật, Bồ-tát chuyển tinh tấn, thăm hỏi, cần cầu v.v...”, đây là nói về câu hỏi.

Công đức của đạo Nhất thiết chủng, nghĩa là đạo hạt giống trí

chươngng của trụ khác. Lỗi lầm, nghĩa là chươngng bị diệt trừ. Và, thần thông ưa đạo không có mất mát, hư hoại, nghĩa là dùng thần thông vượt hơn để thấy sắc thân Phật v.v... Khéo lấy công hạnh kia, được tướng Đẳng lưu, nghĩa là nói về hạnh của người kia tu ghi nhận quả Đẳng lưu trong các Địa.

Đối với tất cả trụ, tự nhiên tiến lên, nghĩa là nói về hạnh. Chứng Đại Bồ-đề, là nói về quả.

Trong dụ nói rằng “Bậc Đại đạo sư”, là Đức Như lai. Phải biết rằng, các hạnh trong đây năng nhập, nói là hạnh v.v...” Luận sư Trắc nói “Ba câu này, là thích hợp với câu hỏi về trạng thái gì? Tướng gì? Ở đây cũng là hạnh của ba tâm: nhập, trụ, xuất.”

Có giải thích rằng: “Trí gia hạnh, gọi là Hạnh; Chánh trí gọi là Đắc; Hậu trí, gọi là Đẳng lưu.”

Nói về tu trị gốc lành, thích hợp với quả điều phục, nhu nhuận thứ nhất kia, có pháp, dụ, hợp. Trong pháp được chia làm ba:

1) Phần nhiều thấy Chư Phật khởi công hạnh thắng lợi, do hai “duyên” hiện thấy Chư Phật. Địa Kinh nói hai thứ thấy Phật:

2) Sức thần thông thấy Phật sắc thân.

3) Sức Phật thấy Phật Pháp thân.

“Bồ-tát như thế v.v...” trở xuống, là thứ hai, nói về năng luyện ba duyên:

1) “Duyên” lợi mình

2) “Duyên” lợi người

3) “Duyên” hồi hướng

“Do ba thứ này...” trở xuống, là thứ ba, nói về đối tượng rèn luyện tín v.v... Nói về tịnh, chỉ nói Na-dữu-đa, như số một, mười, một trăm, mười muôn, ức, mười ức, gọi là Lạc-sa, mười Lạc-sa gọi là Câu-chi, mười Câu-chi, gọi là Na-dữu-đa.

Luận sư Trắc nói “Câu-chi, tức tương đương với số triệu của xứ này. Na-dữu-đa, tương đương với số Kinh của xứ này. Công thợ trong thí dụ, là dụ cho Bồ-tát tịnh ý lạc. Lửa, dụ cho ba “duyên”. Vàng, dụ cho tín v.v...”

Nói về sự thọ sinh, tương đương với gồm thâu quả báo kia, được chia làm hai đoạn:

1) Gồm thâu quả tại gia

2) “Nếu lạc phát khởi...” trở xuống, là gồm thâu quả xuất gia (thuộc về quả xuất gia).

Bồ-tát này trụ trong Địa này, thường làm vua Thiết Luân Bộ Châu

Thiệm được tự tại, là thân tốt đẹp trong tại gia, xa lìa tất cả cái keo kiệt như bản v.v... là quả tốt đẹp trong tại gia. Y cứ ở quả xuất gia có mười hai trường hợp:

- 1) Chứng một trăm tam-muội
- 2) Thấy một trăm Như lai
- 3) Biết một trăm Đức Phật, biến hóa, trụ trì.
- 4) Có thể lay động một trăm thế giới
- 5) Có thể đi qua trăm thế giới
- 6) Ánh sáng soi chiếu trăm cõi
- 7) Có khả năng hóa ra trăm loài
- 8) Lưu lại mạng sống trong một trăm kiếp.
- 9) Biết danh của mé trước sau, những việc trong trăm kiếp.
- 10) Nhập trăm pháp môn
- 11) Hóa ra trăm thân
- 12) Ở mỗi thân, hiện ra trăm quyến thuộc.

Thứ tám, nói về oai lực, tương đương với quả của trí Phật kia. “Phải biết rằng...” trở xuống, là thứ ba, nhắc lại để kết.

Ở trên, nói về tám môn, đầu tiên, là nhắc lại để kết, kế là chỉ ra Đại bản. Sau, giải thích hội tên khác.

Ma-đát-lý-ca, là Bản mẫu. Nay, trong Luận này giải thích nghĩa mười trụ, với kinh kia nói Thập địa là Ma-đát-lý-ca, nghĩa là vì kinh có luận, nên nghĩa rất dễ hiểu.

